

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TNH23B1
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2358102064501	Cao Ngọc	Ánh	13/10/2008	8.8	7.6	8.3	8.7	6.0	8.1	7.4	Khá
02	2358102064502	Chung Nhật	Ân	12/06/2008	5.8	7.3	7.1	5.4	5.2	8.2	5.8	Trung bình
03	2358102064503	Nguyễn Thành	Cang	27/11/2006	8.3	9.0	8.0	7.4	7.4	8.6	7.6	Khá
04	2358102064505	Nguyễn Kim Hiền	Diệu	07/11/2008	6.6	6.3	7.4	7.7	6.1	5.9	6.7	Trung bình
05	2358102064506	Nguyễn Ngọc	Duy	09/01/2008	8.7	7.8	9.0	8.2	6.1	8.0	7.3	Khá
06	2358102064507	Nguyễn Thị Mỹ	Duy	27/09/2008	0.0	2.4	0.0	0.0	0.6	0.0	0.3	Yếu
07	2358102064509	Bùi Thị	Gấm	28/04/2007	0.0	2.4	0.0	0.0	0.5	0.0	0.2	Yếu
08	2358102064510	Nguyễn Ngọc	Hân	11/01/2008	7.2	7.3	9.6	8.0	7.6	8.7	8.0	Giỏi
09	2358102064511	Trần Thị Ngọc	Hân	07/12/2008	7.9	7.8	7.5	7.7	6.9	7.3	7.3	Khá
10	2358102064513	Trương Nguyễn Huy	Hoàng	11/09/2008	8.7	8.5	8.8	8.3	8.6	8.5	8.5	Giỏi
11	2358102064515	Lê Phương	Lam	19/11/2008	8.0	7.3	7.8	7.3	7.1	7.9	7.3	Khá
12	2358102064516	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	18/05/2007	7.1	7.7	8.1	6.9	8.4	8.1	7.8	Khá
13	2358102064517	Nguyễn Ngọc Phương	Ly	08/11/2008	7.5	7.2	8.8	6.8	6.5	7.9	7.0	Khá
14	2358102064518	La Nguyễn Bảo	Minh	01/12/2008	8.0	9.0	8.8	7.4	8.7	8.0	8.1	Giỏi
15	2358102064519	Bùi Thị Ngọc	Mỹ	27/11/2008	7.5	6.7	7.5	6.9	5.7	6.8	6.4	Trung bình
16	2358102064520	Võ Nhật	Ngân	09/01/2008	5.9	8.7	7.2	5.6	6.8	7.9	6.6	Trung bình
17	2358102064521	Ngô Bảo	Nghi	29/12/2008	6.9	6.0	8.6	6.6	7.1	8.8	7.3	Khá
18	2358102064522	Huỳnh Bảo	Ngọc	24/05/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5	0.0	0.2	Yếu
19	2358102064523	Phạm Đặng Huỳnh	Ngọc	16/03/2008	7.4	8.9	9.3	6.9	7.9	9.1	7.8	Khá
20	2358102064524	Nguyễn Văn	Nhon	30/03/2008	8.8	9.1	8.8	7.3	8.2	7.9	7.9	Khá
21	2358102064525	Lê Thị Huỳnh	Như	19/10/2008	7.9	8.4	9.0	7.8	8.0	8.0	8.0	Giỏi

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2358102064527	Võ Thị Kiều	Oanh	28/11/2000	9.3	9.8	9.3	9.6	8.2	9.8	9.0	Xuất sắc
23	2358102064528	Nguyễn Thành	Phát	11/12/2008	0.0	2.3	0.0	0.0	0.5	0.0	0.2	Yếu
24	2358102064529	Nguyễn Hồ Thiên	Phúc	05/10/2008	7.9	7.7	7.4	6.1	8.3	8.2	7.4	Khá
25	2358102064530	Nguyễn Trường	Phúc	26/10/2008	7.3	9.3	7.5	7.7	7.3	6.7	7.4	Khá
26	2358102064531	Võ Hoàng Kim	Phụng	11/08/2008	8.3	8.7	7.6	5.6	6.8	8.3	6.6	Trung bình
27	2358102064532	Trần Thảo	Quyên	09/04/2008	8.4	8.4	8.9	7.8	7.0	9.0	7.7	Khá
28	2358102064533	Lê Minh	Thuận	11/03/2008	9.3	7.9	8.2	7.1	7.8	8.5	7.7	Khá
29	2358102064534	Nguyễn Thị Anh	Thư	17/07/2008	9.0	9.4	9.1	7.9	7.8	8.8	8.1	Giỏi
30	2358102064535	Phan Trường	Thương	12/11/2008	8.9	9.6	8.8	7.3	7.8	9.1	7.9	Khá

Lưu ý: Môn học *Giáo dục thể chất* và *Giáo dục QP - AN* không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 12 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái